

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

CAO ANH THỊNH

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
XUYÊN BIÊN GIỚI**

Ngành: *Quản lý kinh tế*

Mã số: **9 34 04 10**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

HÀ NỘI – 2026

Công trình được hoàn thành tại: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - Học viên khoa học xã hội

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Đỗ Tá Khánh
2. PGS.TS. Bùi Ngọc Toàn

Phản biên 1: GS.TS. Lê Quốc Hôi

Phản biện 2: PGS.TS. Bùi Văn Huyền

Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Hoàng Hiền

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại

vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện KHXH

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thị trường thương mại điện tử (TMĐT) đang ngày càng rộng mở với nhiều mô hình, chủ thể tham gia, các chuỗi cung ứng cũng đang dần thay đổi theo hướng hiện đại hơn khi có sự hỗ trợ từ số hóa và công nghệ thông tin. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 vừa qua, TMĐT đang trở nên sôi động hơn và việc ứng dụng công nghệ số, xây dựng kênh phân phối mới đang trở thành một phương án hữu hiệu cho các doanh nghiệp Việt Nam vượt qua khó khăn, mang đến cơ hội mới từ phía cầu thị trường trên cơ sở làm thay đổi thói quen mua hàng của người tiêu dùng, chuyển từ thói quen mua hàng truyền thống sang mua hàng qua TMĐT.

Hiện nay TMĐT ở Việt Nam không chỉ hoạt động ở phạm vi nội địa mà còn là một kênh thương mại xuyên quốc gia. TMĐT xuyên biên giới là thị trường “số” rộng lớn, tạo cơ hội và trở thành nhân tố cốt lõi của nền kinh tế toàn cầu.

Nhằm thúc đẩy lĩnh vực này, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ như Quyết định số 645/QĐ-TTg, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và Quyết định số 1415/QĐ-TTg. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh của TMĐT xuyên biên giới cũng đặt ra nhiều thách thức đối với quản lý nhà nước, như thất thu thuế, gian lận thương mại, hàng giả, khác biệt pháp lý giữa các quốc gia, bảo vệ dữ liệu và chủ quyền số. Trong khi đó, các công cụ quản lý truyền thống đã bộc lộ nhiều hạn chế trước đặc trưng xuyên quốc gia của dòng chảy hàng hóa, dữ liệu và tài chính, đòi hỏi chuyển từ mô hình quản lý kiểm soát sang quản lý kiến tạo, thích ứng, hoàn thiện thể chế phù hợp với các cam kết quốc tế, bảo đảm lợi ích quốc gia và quyền lợi người tiêu dùng.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về TMĐT, các nghiên cứu chuyên sâu về quản lý nhà nước đối với TMĐT xuyên biên giới còn hạn chế. Vì vậy, việc nghiên cứu hoàn thiện quản lý nhà nước đối với TMĐT xuyên biên giới trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn, là cơ sở để lựa chọn đề tài “Quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới” làm hướng nghiên cứu của luận án.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu của luận án

Mục đích nghiên cứu của luận án là làm rõ lý luận về quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử xuyên biên giới, phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử xuyên biên giới tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số, từ đó đề xuất những giải pháp góp phần hoàn thiện quản lý nhà nước nhằm thúc đẩy phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu trên, cần thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Hệ thống hóa, xây dựng, bổ sung khung lý luận và pháp lý về QLNN đối với TMĐT xuyên biên giới;
2. Phân tích thực trạng, những vấn đề về QLNN đối với TMĐT ở Việt Nam giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2030;
3. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động QLNN về TMĐT xuyên biên giới;
4. Đề xuất giải pháp giúp hoạt động QLNN về TMĐT xuyên biên giới hoàn thiện hơn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các nội dung quản lý nhà nước về TMĐT xuyên biên giới tại Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về không gian: Luận án tập trung nghiên cứu hoạt động QLNN về TMĐT xuyên biên giới ở Việt Nam.

- Phạm vi về thời gian: Luận án sử dụng các báo cáo, tài liệu, dữ liệu trong giai đoạn năm 2019 đến năm 2025.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

4.2. Phương pháp nghiên cứu

4.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

4.2.2. Các phương pháp khác

5. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

5.3. Khung nghiên cứu tổng quát

6. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Luận án đã tổng hợp và xác lập khung lý luận, vận dụng lý luận chung về quản lý nhà nước về thương mại nói chung và quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới nói riêng. Từ đó xây dựng khái niệm quản lý nhà nước đối với TMĐT XBG phù hợp với bối cảnh kinh tế số và xác định rõ nội dung quản lý nhà nước đối với TMĐT XBG. Đồng thời, luận án đã hệ thống hoá, xác định các yếu tố ảnh hưởng chính đến QLNN về TMĐT xuyên biên giới.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

7.1. Ý nghĩa về lý luận

7.2. Ý nghĩa về thực tiễn

8. Cơ cấu của luận án

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu về thương mại điện tử

1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử

1.3. Tổng quan các công trình nghiên cứu về thương mại điện tử xuyên biên giới

1.4. Đánh giá tình hình nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu

1.4.1. Những giá trị kế thừa

1.4.2. Những khoảng trống nghiên cứu

Tiểu kết chương 1:

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ XUYÊN BIÊN GIỚI

2.1. Cơ sở lý luận về thương mại điện tử xuyên biên giới

2.1.1. Thương mại điện tử

2.1.1.1. Khái niệm

Có thể hiểu thương mại điện tử là *hoạt động bao gồm việc sản xuất, quảng cáo, bán hàng và phân phối sản phẩm được mua bán và thanh toán trên mạng Internet.*

2.1.1.2. Đặc điểm của thương mại điện tử

TMĐT là một lĩnh vực của hoạt động thương mại nhưng có những đặc trưng riêng. Một số đặc điểm của TMĐT có thể kể đến như:

(i) Khả năng tiếp cận toàn cầu:

(ii) Chi phí thấp và hiệu quả cao:

- (iii) Đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ:
- (iv) Tính tiện lợi và khả năng tùy chỉnh:
- (v) Khả năng theo dõi và phân tích dữ liệu:
- (vi) Bảo mật và quyền riêng tư:

2.1.2. Thương mại điện tử xuyên biên giới

2.1.2.1. Khái niệm thương mại điện tử xuyên biên giới

Tóm lại, TMĐT xuyên biên giới được hiểu là *hoạt động bao gồm việc sản xuất, quảng cáo, bán hàng và phân phối sản phẩm được mua bán và thanh toán trên mạng Internet, trong đó, người mua và người bán ở hai quốc gia khác nhau.*

2.1.2.2. Đặc điểm thương mại điện tử xuyên biên giới

TMĐT xuyên biên giới còn có những đặc trưng riêng gồm có 4 đặc điểm chính là:

- (i) Tính phi biên giới
- (ii) Tính đa dạng sản phẩm dịch vụ thông tin
- (iii) Tính hữu ích giúp khách hàng lựa chọn được mức chi phí đề bỏ ra
- (iv) Tính nhanh chóng, tiện lợi

2.2. Cơ sở lý luận về quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới

2.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới

2.2.1.1. Khái niệm quản lý nhà nước

QLNN là *sự tác động có tổ chức, có hướng đích của nhà nước (thông qua các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập...) lên các quá trình xã hội và hành vi của con người nhằm thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước trong việc duy trì và phát triển*

xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức và bảo vệ an ninh, trật tự xã hội.

2.2.1.2. Chức năng, nguyên tắc và các cấp độ của quản lý nhà nước

a. Chức năng của quản lý nhà nước

- Chức năng duy trì trật tự xã hội:
- Chức năng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội:
- Chức năng bảo vệ và tăng cường quyền lực nhà nước:

b. Nguyên tắc của quản lý nhà nước

- Nguyên tắc pháp quyền:
- Nguyên tắc công khai, minh bạch:
- Nguyên tắc dân chủ:

c. Các cấp độ quản lý nhà nước

- Quản lý nhà nước ở cấp trung ương:
- Quản lý nhà nước ở cấp địa phương:

2.2.1.3. Khái niệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới

Như vậy, chúng ta có thể hiểu quản lý nhà nước về TMĐT xuyên biên giới được hiểu là: *Quá trình tác động có tổ chức và điều chỉnh của nhà nước lên hoạt động mua bán hàng hóa và dịch vụ qua mạng Internet giữa các quốc gia nhằm đạt được các mục tiêu phát triển TMĐT xuyên biên giới đã đặt ra.*

2.2.1.4. Các đặc trưng cơ bản của quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới

Một số đặc trưng cơ bản và riêng biệt của QLNN về Thương mại điện tử XBG như sau:

- Về chủ thể quản lý
- Đối tượng quản lý

2.2.1.5. Các chức năng, vai trò của quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới

Một là, Chức năng tạo lập môi trường phát triển

Hai là, Chức năng điều tiết

Ba là, Chức năng kiểm soát

2.2.2. Nội dung quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới

2.2.2.1. Xây dựng chiến lược phát triển và ban hành các văn bản pháp luật về thương mại điện tử xuyên biên giới

Chiến lược TMĐT XBG được hiểu là định hướng phát triển TMĐT XBG của quốc gia trong một thời kỳ nhất định, phù hợp với các mục tiêu khác của quốc gia.

Văn bản quy phạm pháp luật về TMĐT XBG là văn bản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự thủ tục luật định, trong đó có chứa đựng các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, làm khuôn mẫu cho xử sự của các chủ thể pháp luật, được áp dụng nhiều lần cho các chủ thể tham gia vào TMĐT XBG nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo một trật tự nhất định mà nhà nước muốn xác lập.

2.2.2.2. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về thương mại điện tử xuyên biên giới

Hoạt động này tập trung chính vào hai nội dung:

- Phổ biến, tuyên truyền các kế hoạch và chính sách phát triển TMĐT XBG

- Phân công phối hợp thực hiện kế hoạch và chính sách phát triển TMĐT XBG

2.2.2.3. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến thương mại điện tử xuyên biên giới

Kiểm soát TMĐT XBG là hoạt động của cơ quan QLNN về TMĐT XBG thực hiện, nhằm phát hiện và xử lý những sai sót, khó khăn để tạo ra môi trường hoạt động thuận lợi nhất nhằm phát triển hoạt động TMĐT XBG theo mục tiêu chiến lược quốc gia.

2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới

2.2.3.1. Môi trường thể chế

2.2.3.2. Cơ sở kỹ thuật hạ tầng cho phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới

2.2.3.3. Nguồn nhân lực đáp ứng phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới

2.2.4. Tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử xuyên biên giới

2.2.4.1. Nhóm tiêu chí đánh giá việc xây dựng chiến lược và ban hành văn bản pháp luật

2.2.4.2. Nhóm tiêu chí đánh giá tổ chức thực hiện văn bản pháp luật

2.2.4.3. Nhóm tiêu chí đánh giá công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

2.3. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới của một số quốc gia, khu vực và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

2.3.1. Kinh nghiệm từ Trung Quốc về quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử xuyên biên giới

- Hoàn thiện khung pháp lý:
- Xây dựng các chính sách hỗ trợ:
- Ký kết các hiệp định thương mại song phương và đa phương:
- Phát triển cơ sở hạ tầng:
- Cơ chế giám sát và quản lý:

2.3.2. Kinh nghiệm từ Mỹ về quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử xuyên biên giới

- Cải cách luật “de minimis” để kiểm soát nhập khẩu nhỏ lẻ;
- Quyết liệt triển khai, quản lý, giám sát tại nội địa;
- Chiến lược tổng thể của Cục Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa

Kỳ (CBP) với thương mại điện tử:

- Tăng cường bảo mật chuỗi cung ứng quốc tế;
- Khai thác hệ thống dữ liệu thương mại toàn cầu;
- Hợp tác xuyên vùng, quốc tế;

2.3.3. Kinh nghiệm từ EU về quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử xuyên biên giới

- Khung pháp lý và chính sách;
- Chính sách hỗ trợ;
- Cơ chế giám sát và quản lý;

2.3.4. Bài học rút ra cho Việt Nam về quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử xuyên biên giới

- Xây dựng hệ sinh thái thương mại điện tử xuyên biên giới;
- Tạo công cụ quản lý dữ liệu trong việc thúc đẩy TMĐT XBG;
- Xây dựng môi trường thể chế riêng cho TMĐT XBG;
- Cân nhắc việc xây dựng các khu thử nghiệm hải quan và ưu đãi thuế với các biên giới đường bộ;

- Xây dựng hệ thống một cửa và phối hợp liên ngành hiệu quả;
- Quan tâm đến quản lý dữ liệu và bảo mật;

Tiểu kết chương 2:

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ XUYỀN BIÊN GIỚI

3.1. Khái quát tình hình thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam hiện nay

3.1.1. Khái quát tình hình hoạt động cung cấp nền tảng số ở Việt Nam

Theo báo cáo Bộ Công thương, năm 2024, quy mô thị trường TMĐT đã đạt 25 tỷ USD, tăng 20% so với năm 2023, chiếm khoảng 9% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước, tỷ lệ dân số tham gia TMĐT từ đạt trên 60%, với giá trị mua sắm trung bình khoảng 400 USD/người/năm. Theo đó, tỷ trọng về TMĐT chiếm 2/3 giá trị của nền kinh tế số Việt Nam. TMĐT, kinh tế số Việt Nam tiếp tục tăng trưởng hai con số vững chắc, thuộc Top 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng TMĐT hàng đầu thế giới, tạo động lực phát triển kinh tế số và dẫn dắt chuyển đổi số trong doanh nghiệp [202].

3.1.2. Khái quát tình hình hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam

Theo Amazon Global Selling Việt Nam (2022): Doanh thu bán lẻ hàng hóa xuyên biên giới (B2C) của Việt Nam ước tính tăng trưởng hơn 20% mỗi năm, đạt 75,4 nghìn tỷ đồng (3,3 tỷ USD) trong năm 2021 và dự kiến sẽ đạt 256,1 nghìn tỷ đồng (11,1 tỷ USD) vào năm 2026. Cũng theo báo cáo, nếu coi “thương mại điện tử B2C” như là một ngành hàng xuất khẩu thì đây sẽ là ngành xuất khẩu thế mạnh đứng thứ 5 tại Việt Nam trong vòng năm năm tới [1].

3.2. Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam

3.2.1. Xây dựng chiến lược phát triển và ban hành các văn bản pháp luật về thương mại điện tử xuyên biên giới

Bảng 3.2: Đánh giá mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng chiến lược phát triển và ban hành các văn bản pháp luật về TMĐT XBG

	Không tác động	Ít tác động	Bình thường	Khá nhiều	Rất nhiều	Tỉ lệ (%)
Chiến lược, định hướng phát triển kinh tế của quốc gia	0	0	23.4	31.5	45.1	100.0
Chiến lược, định hướng phát triển lĩnh vực TMĐT	0	0	4.3	28.4	67.3	100.0
Tính cấp thiết xây dựng thể chế, chính sách cụ thể đối với hoạt động TMĐT XBG	0	0	0	32.1	67.9	100.0
Việt Nam ký kết các FTA đa phương, song phương	0	4.7	24.1	31.5	39.7	100.0
Cơ quan quản lý về TMĐT XBG cấp Trung ương	0	0	34.2	31.5	34.3	100.0
Cơ quan quản lý về TMĐT XBG cấp địa phương	0	0	12.7	25.8	61.5	100.0
Vai trò tham gia xây dựng chiến lược phát triển của các Hiệp hội doanh nghiệp	0	2.1	14.5	26.6	56.8	100.0
Lấy ý kiến đóng góp rộng rãi với tổ chức, cá nhân được quy định	0	0	0	47.3	52.7	100.0

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

Trong quá trình khảo sát, tác giả có tập trung khảo sát đánh giá về mức độ quan trọng của các nội dung văn bản pháp luật.

Bảng 3.3: Kết quả đánh giá mức độ quan trọng của các nội dung văn bản pháp luật

	Không quan trọng	Ít quan trọng	Trung bình	Khá quan trọng	Rất quan trọng	Tỉ lệ (%)
Chính sách về thuế nhập khẩu, xuất khẩu trong TMĐT XBG	0	0	12.3	23.4	64.3	100.0
Chính sách về hỗ trợ DN có hoạt động TMĐT XBG	0	3.2	15.5	35.1	46.2	100.0
Chính sách về vận hành, điều kiện tham gia, xây dựng website/ sàn giao dịch TMĐT XBG	0	2.2	21.3	54.7	21.8	100.0
Chính sách về hậu cần trong hoạt động TMĐT XBG	0	8.3	26.5	60.6	4.6	100.0
Chính sách về giải quyết tranh chấp trong TMĐT XBG	0	11.7	34.3	37.6	16.7	100.0
Chính sách về an toàn, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	0	15.4	37.2	32.3	15.1	100.0
Chính sách về bảo mật thông tin	0	5.2	16.1	57.6	24.1	100.0
Chính sách về phát triển nhân lực	0	0	25.6	63.7	12.7	100.0

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

3.2.2. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về thương mại điện tử xuyên biên giới

3.2.2.1. Thực thi các chính sách chung về thương mại điện tử xuyên biên giới

3.2.2.2. Thực thi các chính sách quản lý thuế đối với thương mại điện tử xuyên biên giới

Bảng 3.4: Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đến hoạt động tổ chức thực thi các văn bản pháp luật về TMĐT XBG

	Không ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Bình thường	Khá nhiều	Rất nhiều	Tỉ lệ (%)
Mức độ tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật	0	0	10.5	38.9	50.6	100.0
Năng lực của cán bộ tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật	0	4.2	11.6	35.7	48.5	100.0
Năng lực của cơ quan thực thi văn bản pháp luật	0	0	27.4	36.5	36.1	100.0
Năng lực nhận biết của DN	0	0	24.8	48.1	27.1	100.0
Mức độ chủ động, sáng tạo của DN	0	0	0	36.7	63.3	100.0

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

3.2.2.3. Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới

Để tăng cường QLNN về TMĐT xuyên biên giới yêu cầu sự tham gia, phối hợp đầy đủ, chặt chẽ của các cơ quan, sở, ngành liên quan trong thực hiện các nội dung QLNN như: (i) Bộ Công thương, (ii) Bộ Khoa học và công nghệ; (iii) Bộ Tài chính; (iv) Ngân hàng Nhà nước; (v) Ủy ban nhân dân các địa phương.

Bảng 3.13: Đánh giá mức độ phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong hoạt động TMĐT XBG

	Tỷ lệ %	% hợp lệ	% tích lũy
Dữ liệu không hiệu quả	0	0	0
hợp lệ ít hiệu quả	18.5	18.5	18.5

	Trung bình	35.8	35.8	54.3
	Khá tốt	33.7	33.7	88
	Rất tốt	12	12	100.0
	Tổng	100.0	100.0	

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

3.2.3. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến thương mại điện tử xuyên biên giới

Hiện nay, Bộ Công Thương đã triển khai dịch vụ công mức độ 4 để quản lý doanh nghiệp thương mại điện tử tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử quốc gia địa chỉ online.gov.vn.

Bảng 3.7: Đánh giá mức độ hiệu quả của việc thanh tra, kiểm soát TMĐT XBG của Nhà nước

		Tỷ lệ %	% hợp lệ	% tích lũy
Dữ liệu hợp lệ	Không hiệu quả	0	0	0
	Ít hiệu quả	16.8	16.8	16.8
	Trung bình	50.2	50.2	67
	Khá tốt	25.3	25.3	92.3
	Rất tốt	7.7	7.7	100.0
	Tổng	100.0	100.0	

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

Bảng 3.8: Đánh giá mức độ tác động của các yếu tố sau đến kết quả thanh tra, kiểm soát hoạt động TMĐT XBG của Nhà nước

	Không tác động	Ít tác động	Bình thường	Khá nhiều	Rất nhiều	Tỉ lệ (%)
Sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước	0	0	12.5	58.3	29.2	100.0
Văn bản pháp luật hướng dẫn cụ thể	0	0	0	68.9	31.1	100.0

Sự chủ động của DN trong báo cáo	0	18.9	31.1	29.6	20.7	100.0
Trình độ cán bộ thanh kiểm tra	0	0	0	42.5	57.5	100.0

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

3.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam

3.3.1. Khái quát về các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam

3.3.1.1. Môi trường thể chế về thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam

3.3.1.2. Cơ sở kỹ thuật hạ tầng cho phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam

3.3.1.3. Nguồn nhân lực đáp ứng phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam

3.3.2. Đánh giá kết quả khảo sát điều tra

3.2.2.1. Mã hóa các biến và thang đo nghiên cứu

Bảng 3.10: Mã hóa các biến nghiên cứu

TT	Mã hóa	Giải thích
		Biến phụ thuộc
	QL	Quản lý nhà nước về TMĐT xuyên biên giới
		Biến độc lập
1	TC	Môi trường thể chế
2	HT	Cơ sở kỹ thuật hạ tầng
3	NL	Nhân lực phục vụ TMĐT xuyên biên giới

(Nguồn: Phân tích của tác giả)

3.2.2.2. Kiểm định các biến nghiên cứu

Các kết quả nghiên cứu được thống kê và kết quả mô tả, đánh giá độ tin cậy các thang đo, các yếu tố được thể hiện rõ ở Phụ lục 3. Từ những kết quả đó, tiến hành thực hiện phân tích hồi quy. . Kết quả phân tích để đánh giá kiểm định tương quan bằng hệ số Pearson cho thấy:

Bảng 3.12: Ma trận tương quan Pearson

		VMtb	TCtb	BTtb	PTtb
TCtb	Pearson Correlation	1	0,171**	0,147**	0,259**
	Sig. (2-tailed)		0,001	0,004	0,000
	N	391	391	391	391
HTtb	Pearson Correlation	0,171**	1	0,077	-0,120*
	Sig. (2-tailed)	0,001		0,129	0,017
	N	391	391	391	391
NLtb	Pearson Correlation	0,147**	0,077	1	0,479**
	Sig. (2-tailed)	0,004	0,129		0,000
	N	391	391	391	391
QLtb	Pearson Correlation	0,259**	-0,120*	0,479**	1
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,017	0,000	
	N	391	391	391	391
**. Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed)					
*. Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed)					

(Nguồn: Tổng hợp bởi tác giả)

3.3.2.3. Kết quả kiểm định các biến nghiên cứu

- Kết quả ước lượng cho thấy mối quan hệ giữa Yếu tố từ môi trường vĩ mô (VM) và Phát triển CBCĐ chuyên trách (PT) là 0,259 ở mức ý nghĩa thống kê Sig. = 0,000 < 0,05 nên giả thuyết H1 được ủng hộ với mẫu dữ liệu khảo sát. Như vậy: Yếu tố Môi trường thể chế là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến QLNN về TMĐT XBG. Khi

mà môi trường thể chế thuận lợi thì QLNN về TMĐT XBG cơ hội hiệu quả tốt hơn.

- Kết quả ước lượng cho thấy mối quan hệ giữa Yếu tố Cơ sở kỹ thuật hạ tầng (HT) và QLNN về TMĐT XBG (QL) là -0,120 ở mức ý nghĩa thống kê $\text{Sig.} = 0,000 < 0,05$ nên giả thuyết H2 được ủng hộ với mẫu dữ liệu khảo sát. Như vậy: Yếu tố Cơ sở kỹ thuật hạ tầng là một yếu tố ảnh hưởng đến QLNN về TMĐT XBG nhưng tác động ngược chiều.

- Kết quả ước lượng cho thấy mối quan hệ giữa Nhân lực phục vụ TMĐT xuyên biên giới (NL) và QLNN về TMĐT XBG (QL) là 0,479 ở mức ý nghĩa thống kê $\text{Sig.} = 0,000 < 0,05$ nên giả thuyết H3 được ủng hộ với mẫu dữ liệu khảo sát. Như vậy: Nhân lực phục vụ TMĐT xuyên biên giới là một yếu tố tác động thuận chiều đến QLNN về TMĐT XBG.

3.4. Đánh giá chung hoạt động quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam

3.4.1. Những thành tựu đạt được

3.4.2. Những hạn chế tồn tại

3.4.3. Nguyên nhân của hạn chế

- Các quan điểm, định hướng về TMĐT XBG vẫn chỉ được thực hiện bởi đây là một hoạt động của TMĐT mà chưa được thể hiện rõ ràng.

- Hệ thống các văn bản pháp luật, các quy định, hướng dẫn vẫn chưa thực sự cụ thể, bao quát đầy đủ, đồng bộ, nhiều vấn đề chưa được đề cập đến, dẫn đến những khó khăn, bất cập trong quản lý.

- Nhận thức còn chậm chuyển đổi.

- Công tác tuyên truyền và pháp luật còn hạn chế.

- Nguyên nhân từ năng lực thực thi và nguồn lực con người.

- Việc ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hoạt động TMĐT XBG còn hạn chế.

- Điều kiện cơ sở hạ tầng công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng phục vụ hoạt động TMĐT XBG chưa được đầu tư bài bản và định hướng phát triển rõ ràng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động TMĐT còn hạn chế, dẫn đến không chủ động trong việc ngăn ngừa, xử lý hàng giả, hàng cấm, hàng vi phạm sở hữu trí tuệ.

- Hoạt động thu thập thông tin và kiểm soát giao dịch TMĐT XBG thông qua các trung gian công nghệ chưa hiệu quả.

- Quá trình tinh giản bộ máy chính quyền hai cấp tuy góp phần giảm đầu mối trung gian, tiết kiệm chi phí hành chính và nâng cao tính tập trung trong điều hành, song cũng tạo ra nhiều thách thức đối với hoạt động quản lý TMĐT XBG như sự gián đoạn trong phối hợp liên ngành, thiếu hụt nguồn nhân lực chuyên sâu, chồng chéo chức năng quản lý và suy giảm tính liên tục trong thực thi chính sách;

Tiểu kết chương 3:

CHƯƠNG 4: GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ XUYỀN BIÊN GIỚI

4.1. Một số vấn đề đặt ra đối với hoạt động quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam

4.1.1. Bối cảnh và xu hướng phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới trên thế giới

- (i) Sự trỗi dậy của nền kinh tế nền tảng
- (ii) Sự gia tăng nhanh chóng của các giao dịch thương mại giá trị nhỏ nhưng số lượng lớn
- (iii) Sự tích hợp ngày càng sâu của công nghệ số trong thương mại điện tử
- (iv) Sự gia tăng các thách thức trong quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử xuyên biên giới.

4.1.2. Bối cảnh và xu hướng phát triển của thương mại điện tử xuyên biên giới tại Việt Nam

Sự phát triển của thương mại điện tử tại Việt Nam được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố quan trọng như:

- Tỷ lệ sử dụng Internet và điện thoại thông minh cao
- Sự phát triển nhanh của thanh toán điện tử và ví điện tử
- Sự mở rộng của hệ thống logistics và giao hàng nhanh
- Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển kinh tế số của Chính phủ.

4.1.3. Bối cảnh cải cách theo hướng chính quyền hai cấp

Trong bối cảnh cải cách theo hướng chính quyền hai cấp, quản lý nhà nước đối với TMĐT XBG đòi hỏi một cách tiếp cận đồng bộ hơn, trong đó tinh gọn tổ chức phải đi kèm với tái thiết kế quy trình, đầu tư

hạ tầng số và nâng cao năng lực quản trị liên ngành, nếu không sẽ khó đạt được mục tiêu nâng cao hiệu lực, hiệu quả như kỳ vọng.

4.1.4. Định hướng hoàn thiện hoạt động quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới

Để hoàn thiện quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử xuyên biên giới trong thời gian tới, cần tập trung vào một số định hướng cơ bản sau:

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về thương mại điện tử theo hướng linh hoạt và phù hợp với xu hướng phát triển của kinh tế số.

Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu số quốc gia, tăng cường kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý thương mại điện tử xuyên biên giới.

Nâng cao năng lực giám sát và thực thi pháp luật trong môi trường thương mại điện tử.

Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tham gia hiệu quả vào thương mại điện tử xuyên biên giới.

4.2. Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam

4.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách và khung pháp lý đối với thương mại điện tử xuyên biên giới

4.2.2. Nhóm giải pháp phát triển hạ tầng số, dữ liệu quản lý và bảo đảm an toàn, an ninh mạng

4.2.3. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực thực thi quản lý nhà nước

4.2.4. Nhóm giải pháp ổn định tổ chức tại các cơ quan quản lý sau tinh giản bộ máy

4.2.5. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật, hỗ trợ tuân thủ và hợp tác quốc tế

4.2.6. Nhóm giải pháp tăng cường kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và xử lý vi phạm

4.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới

4.3.1. Kiến nghị đối với các cơ quan quản lý nhà nước

(i) Sớm ban hành hoặc tích hợp một chương trình/đề án quốc gia chuyên biệt về thương mại điện tử xuyên biên giới đến năm 2030;

(ii) Hoàn thiện pháp luật theo hướng quy định rõ trách nhiệm của sàn giao dịch, nền tảng số, trung gian thanh toán, doanh nghiệp logistics và nhà cung cấp nước ngoài;

(iii) Xây dựng công cụ dữ liệu quản lý thương mại điện tử xuyên biên giới và cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành;

(iv) Đẩy mạnh ứng dụng AI, Big Data, RegTech trong giám sát, cảnh báo và thu thuế;

(v) Phát triển công cụ hỗ trợ tuân thủ trực tuyến cho doanh nghiệp và người dân;

(vi) Đổi mới thanh tra, hậu kiểm theo hướng dựa trên rủi ro và dữ liệu;

(vii) Tăng cường đào tạo cán bộ thực thi ở trung ương và địa phương;

(viii) Mở rộng hợp tác quốc tế về dữ liệu, thuế, hải quan, ODR và bảo vệ người tiêu dùng.

4.3.2. Kiến nghị đối với các hiệp hội ngành nghề và các chủ thể trung gian có liên quan

(i) Hiệp hội ngành nghề tăng cường phổ biến pháp luật, phản biện chính sách và hỗ trợ doanh nghiệp thành viên;

- (ii) Sàn thương mại điện tử, nền tảng số và trung gian thanh toán nâng cao trách nhiệm xác thực, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu theo quy định;
- (iii) Doanh nghiệp logistics, chuyên phát, kho bãi tăng cường phối hợp trong kiểm soát luồng hàng và dữ liệu vận đơn;
- (iv) Cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, tổ chức xúc tiến thương mại đẩy mạnh nghiên cứu, đào tạo và tư vấn tuân thủ cho doanh nghiệp;
- (v) Các chủ thể trung gian đồng hành với cơ quan quản lý trong xây dựng môi trường thị trường minh bạch, an toàn và bền vững.

4.3.3. Kiến nghị đối với doanh nghiệp và người tiêu dùng

- (i) Doanh nghiệp chủ động nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật trong nước và pháp luật thị trường mục tiêu;
- (ii) Tăng cường đầu tư vào quản trị dữ liệu, bảo mật thông tin, xây dựng thương hiệu, marketing số và logistics;
- (iii) Tích cực tham gia các chương trình đào tạo, hỗ trợ xuất khẩu số và kết nối nền tảng quốc tế;
- (iv) Người tiêu dùng nâng cao kỹ năng nhận diện rủi ro, hàng giả và cơ chế tự bảo vệ trong giao dịch số;
- (v) Tăng cường phản ánh, khiếu nại và hợp tác với cơ quan chức năng khi phát hiện hành vi vi phạm.

Tiểu kết chương 4:

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, thương mại điện tử xuyên biên giới đang trở thành xu hướng phát triển tất yếu của thương mại toàn cầu và nền kinh tế số. Sự phát triển nhanh chóng của TMĐT XBG vừa tạo ra cơ hội mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam, vừa đặt ra nhiều thách thức mới đối với hoạt động quản lý nhà nước như quản lý thuế, kiểm soát dòng tiền, bảo vệ người tiêu dùng, quản lý dữ liệu, kiểm soát hàng giả và xử lý vi phạm trong môi trường số xuyên biên giới.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước đối với TMĐT XBG; phân tích kinh nghiệm quốc tế và làm rõ thực trạng quản lý nhà nước đối với TMĐT XBG tại Việt Nam trên các phương diện như xây dựng thể chế, tổ chức bộ máy, quản lý thuế, hải quan, thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, ứng dụng công nghệ số và phối hợp liên ngành. Kết quả nghiên cứu cho thấy Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong phát triển và quản lý TMĐT XBG, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những hạn chế về thể chế, dữ liệu quản lý, năng lực thực thi, cơ chế phối hợp và kiểm soát các nền tảng xuyên biên giới.

Từ đó, luận án đã đề xuất hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với TMĐT XBG theo hướng hiện đại, đồng bộ và thích ứng với nền kinh tế số, bao gồm: hoàn thiện pháp luật; phát triển hạ tầng số và cơ sở dữ liệu; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; ổn định tổ chức bộ máy sau tinh giản; tăng cường hỗ trợ tuân thủ, hợp tác quốc tế; đồng thời đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và xử lý vi phạm dựa trên dữ liệu và quản lý và cảnh báo được các rủi ro gặp phải.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện quản lý nhà nước đối với TMĐT XBG tại Việt Nam, đồng thời có ý nghĩa tham khảo trong quá trình xây dựng chính sách và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong bối cảnh phát triển kinh tế số và hội nhập quốc tế hiện nay.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA NGHIÊN CỨU SINH

TT	Tên công trình	Năm công bố	Loại bài viết
1.	Bài học kinh nghiệm từ Trung Quốc về quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử xuyên biên giới Tác giả: Cao Anh Thịnh	2025	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 6, tháng 3, năm 2025 [Tr228] ISSN: 1859 - 4972
2.	Quản lý nhà nước về thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/04/17 Tác giả: Cao Anh Thịnh	2025	Tạp chí Quản lý nhà nước (quanlynhanuoc.vn) Công bố ngày 17/4/2025, chuyên mục Quản lý nhà nước về kinh tế - tài chính ISSN e - 2815-5831
3.	Phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam hiện nay Tác giả: Đỗ Thị Tuyết, Cao Anh Thịnh, Nguyễn Thị Thu Hằng	2025	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 10, tháng 5 năm 2025 [Tr102] ISSN: 1859-4972
4.	Determinants of Vietnamese Consumers' Cross-border Online Shopping Intentions: Evidence from Chinese E-commerce Platforms https://ift.iift.ac.in/pages/table-of-contents/current/ Tác giả: Đặng Thái Bình, Đỗ Tá Khánh, Cao Anh Thịnh	2025	IIFT International Business and Management Review Journal, ISSN: 2525-250X Published: 11/12/2025

5.	Phát triển thương mại điện tử ở Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số Tác giả: Cao Anh Thịnh, Nguyễn Thị Thu Hằng	2024	Tạp chí Tài chính, kỳ 2, tháng 6 năm 2024 [Tr144] ISSN: 2615-8973
6.	Developing Green Logistics in the Economic Region Northern Focus of Vietnam Tác giả: Cao Anh Thịnh, Nguyễn Thị Thu Hằng	2024	International Journal of Economics, Business and Management Research Công bố ngày 27/01/2024 ISSN: 2456-7760
7.	Logistics xanh – Bài học từ Singapore tới thực tế tại Việt Nam Tác giả: Cao Anh Thịnh, Nguyễn Thị Thu Hằng	2023	Tạp chí Kinh doanh và Công nghệ, số 31 năm 2023 [Tr39] ISSN: 2615-9414
8.	Situation of Employment Creation for Disabled Workers in Vietnam after the Covid-19 Pandemic https://rgsa.openaccesspublications.org/rgsa/article/view/11241 Tác giả: Nguyễn Thị Thu Hằng, Cao Anh Thịnh, Đỗ Thị Tuyết	2025	Revista De Gestao Social E Ambiental (RGSA) Scopus Q3 Published: 13/2/2025 ISSN: 1981-982X